

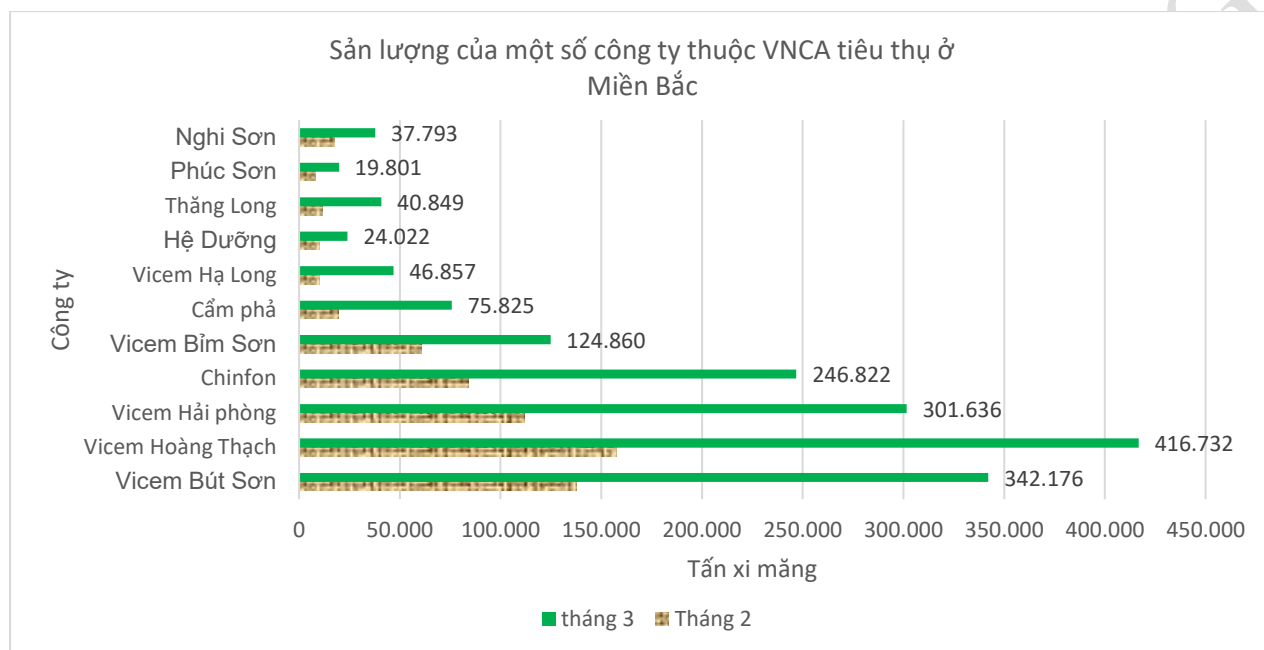
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 3/2022

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I. Thị trường xi măng miền Bắc:

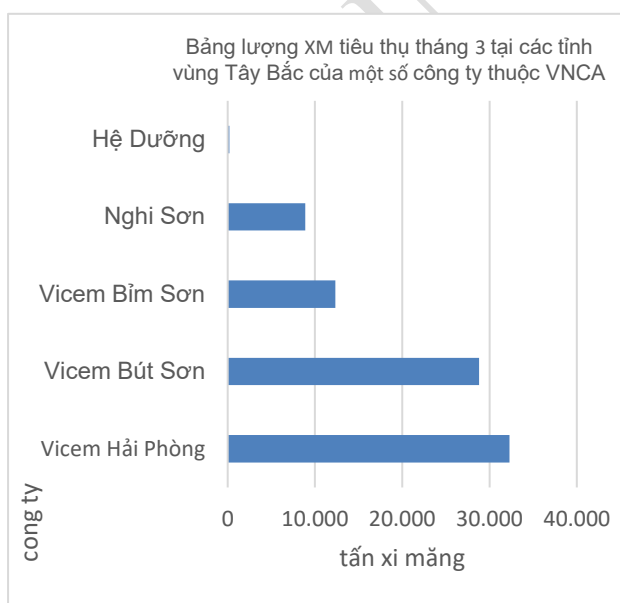
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 3/2022 là: 2.620.577 tấn (tháng 2 là 1.200.970 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

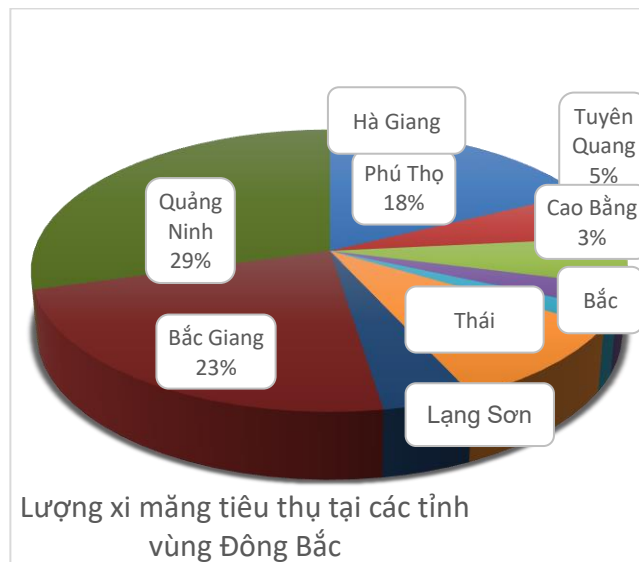
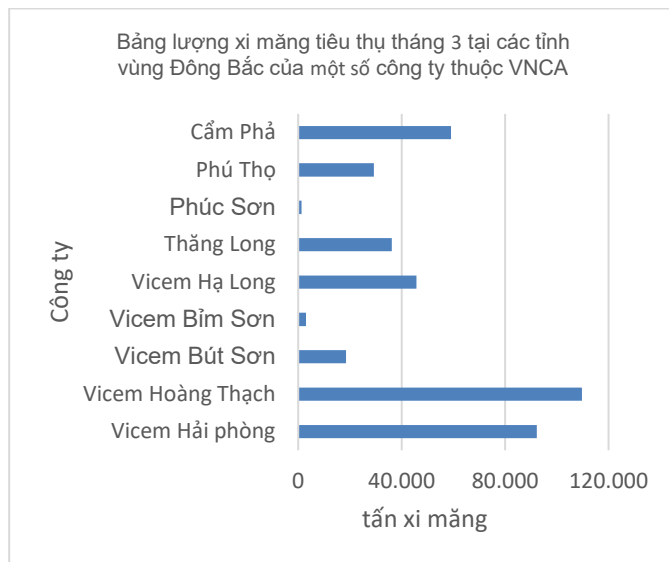


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 3/2022 như sau:

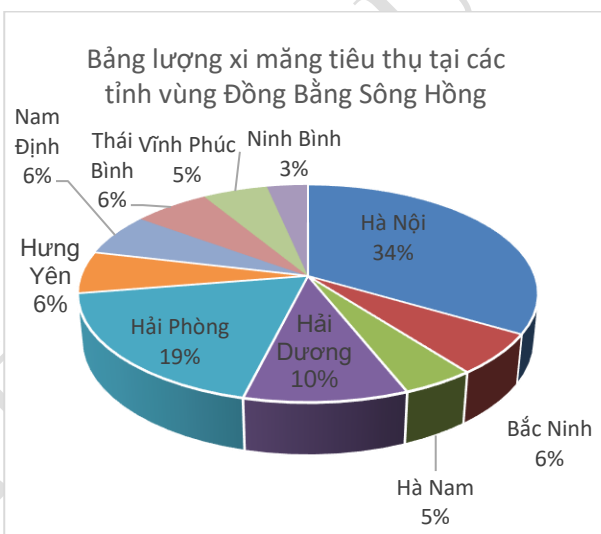
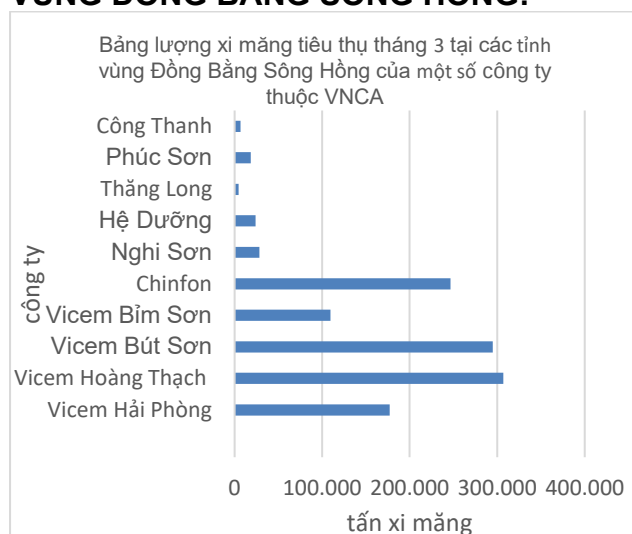
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Yên Bái:

- XM Yên Bái: 1.230 (giá tại nhà máy)

- XM Tam Điệp: 1.540

2. Tại Lạng Sơn:

- XM Hoàng Thạch: 1.520

- XM Lạng Sơn: 1.000

3. Tại Thái Nguyên:

- XM La Hiên: 1.290

- XM Quang Sơn: 1.320

- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1.180 PCB 40: 1.280

4. Tại Quảng Ninh:

- XM Hoàng Thạch: 1.520 - XM Phúc Sơn: 1.410

- XM Chín Fon: 1.480

- XM Lam Thạch: 1.260

- XM Thăng Long PCB 40 1.350

- XM Hạ Long PCB 40 1.390

- XM Cẩm phả PCB 40 1.360

5. Tại Bắc Ninh:

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.490 - XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380

XM Phúc Sơn: 1.410 XM Nghi Sơn PCB40: 1.450 - XM Chín Fon: 1.500

6. Tại Bắc Giang:

- XM Hoàng Thạch: 1.490

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.410

- XM Phúc Sơn: 1.390

- XM Thăng Long PCB 40 1.410 - XM Hoàng Mai: 1.510

7. Tai Hải Dương: - XM Chinfon: 1.470 - Hoàng Thạch: 1.490

- XM Cẩm phả PCB 40	1.380	- XM Phúc Sơn:	1.400
---------------------	-------	----------------	-------

8. Tai Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.460

- XM Chín Fon:	1.420	- XM Bút Sơn:	1.450
- XM Phúc Sơn:	1.310		

9. Tai Thanh Hoá: - XMVLXD Bầm Sơn: 1.150

- XM Bầm Sơn: 1.390 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.290
 - XM Hoàng Mai 1.350 - XM Tam Điệp: 1.310

10. Tai Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.300 - XM Hệ Dưỡng: 1.120 (giá tại nhà máy)

- XM Bầm Sơn: 1.300

11. Tai Nam Định: - XM Hoàng Thạch: 1.450 XM Cẩm phả: 1.370

- XM Bầm Sơn: 1.490
 - XM Bút Sơn: 1.450 - XM Chín Fon: 1.490

12. Tai Thái Bình:

- XM Bầm Sơn: 1.460 - XM Chín Fon: 1.410 - XM Thăng Long: 1.410
 - XM Bút Sơn: 1.460 - XM Cẩm phả: 1.390

13. Tai Hà Nội:

- XM Chín Fon: 1.540 - XM Hoàng Thạch: 1.610
 - XM Phúc Sơn: 1.510 - XM Bầm Sơn: 1600
 - XM Tam Điệp: 1590 - XM Bút Sơn: 1590
 - XM Thăng Long PCB 40: 1.530
 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.570 - XM Cẩm Phả: 1.540

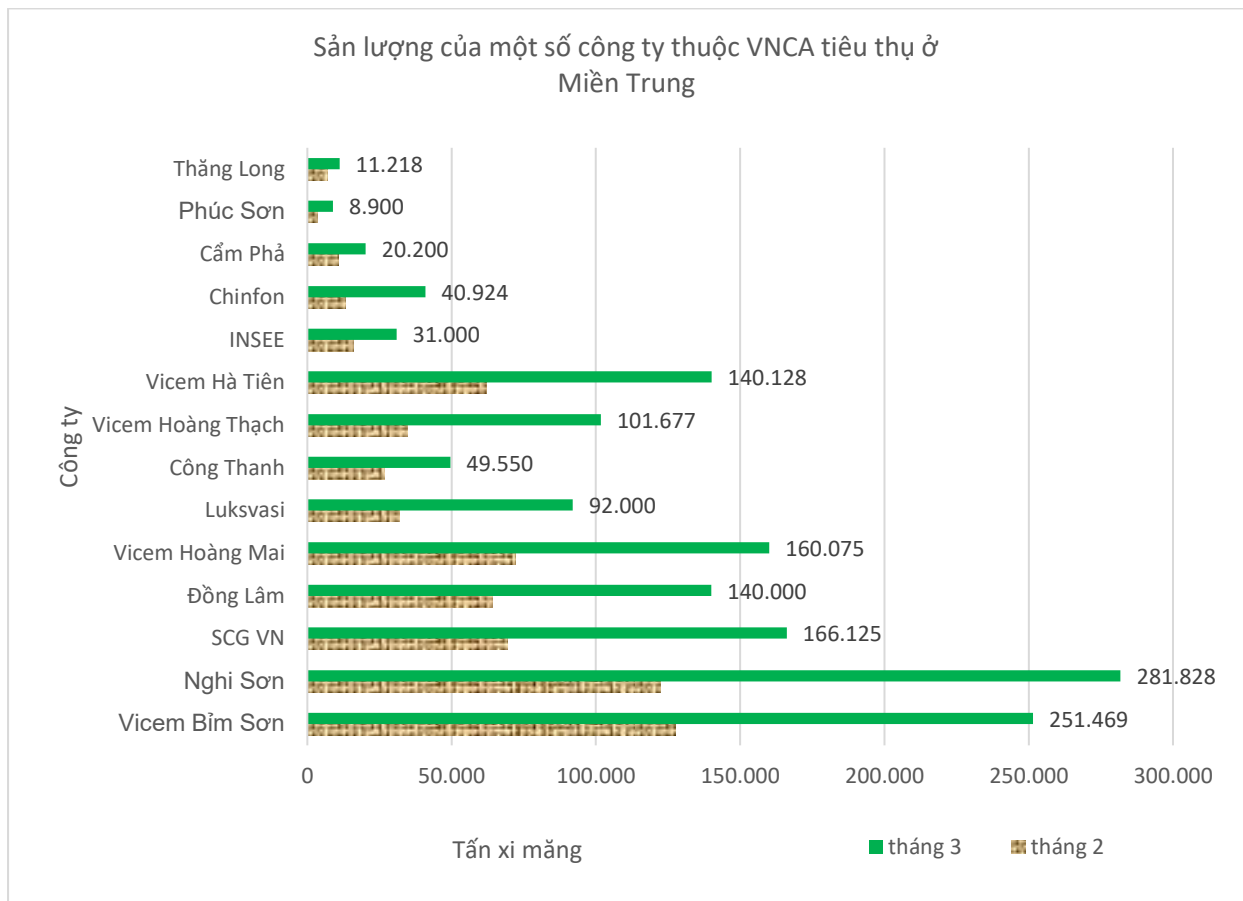
15. Tai Hải phòng: - XM Chín Fon: 1.530 XM Cẩm phả: 1.450

- XM Hải phòng: 1.490 - XM Phúc Sơn: 1.420

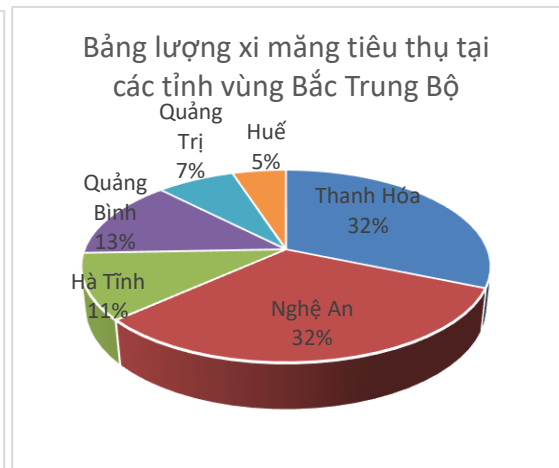
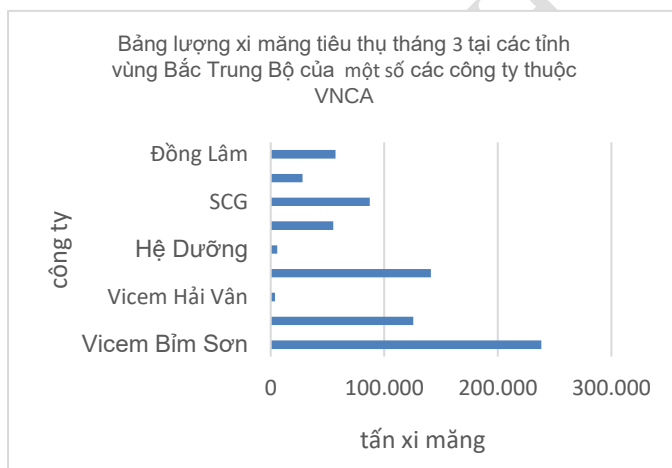
II. Thị trường xi măng miền Trung:

Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 3/2022: 2.088.337 tấn (tháng 2 là 1.020.522 tấn).

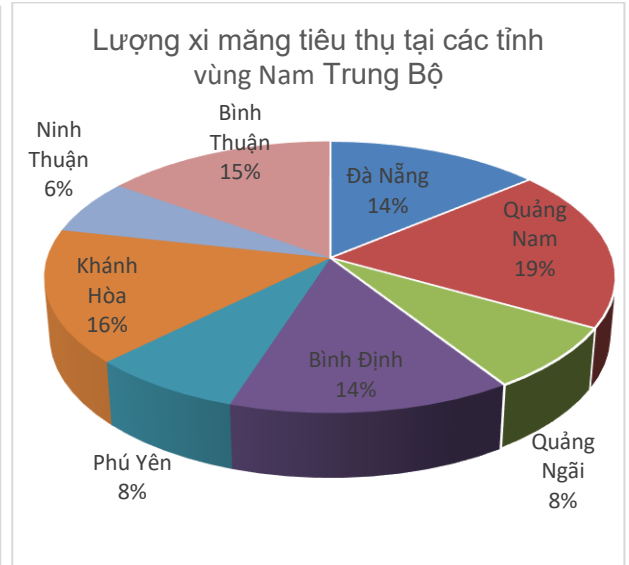
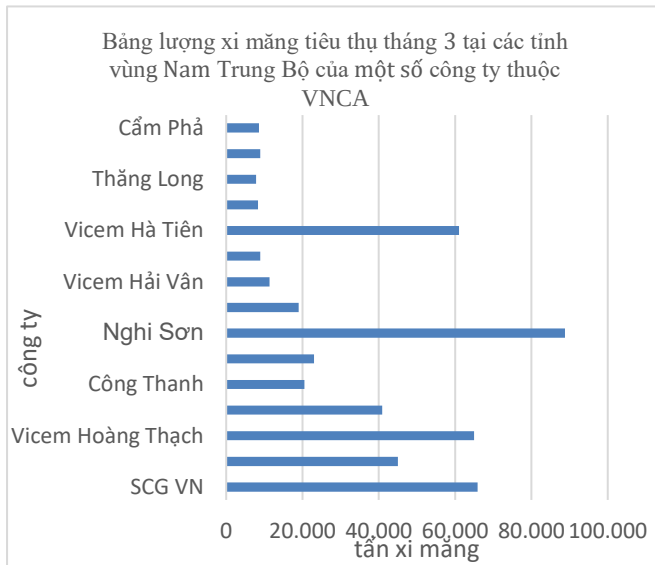
Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:



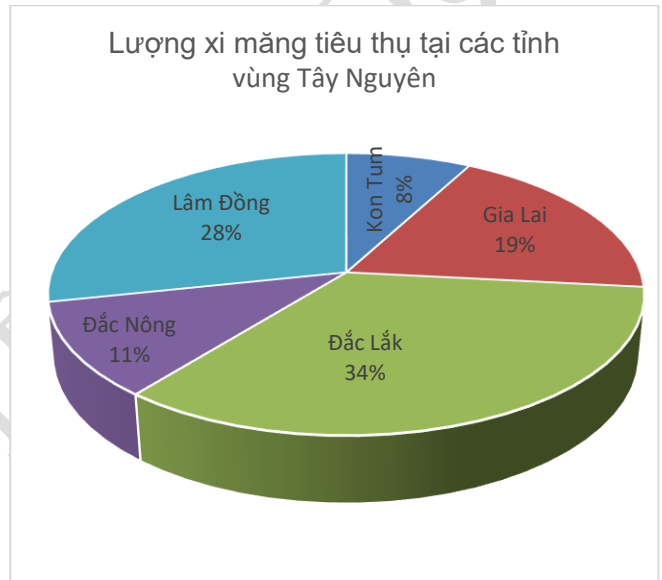
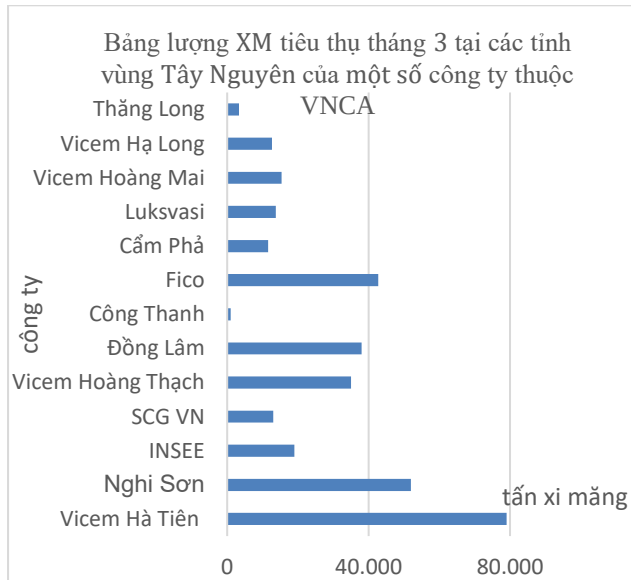
Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 3/2022 như sau:
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG NAM TRUNG BỘ



VÙNG TÂY NGUYÊN:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.100
- XM Bỉm Sơn: 1.410
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.410

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100
- XM Quảng Trị: 980
- XM Sông Gianh: 1.360
- XM Luks VN PCB 40: 1.300
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

*** Giá XM tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi:**

- XM Sông Gianh: 1.540
- XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.450
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.480
- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.600
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.580
- XM Phúc Sơn: 1.530
- XM luks VN PCB 40: 1.590
- ChinFon: 1.440

*** Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.880

- XM Hà tiên Vicem PCB 40(giá đến người tiêu dùng): 1.950

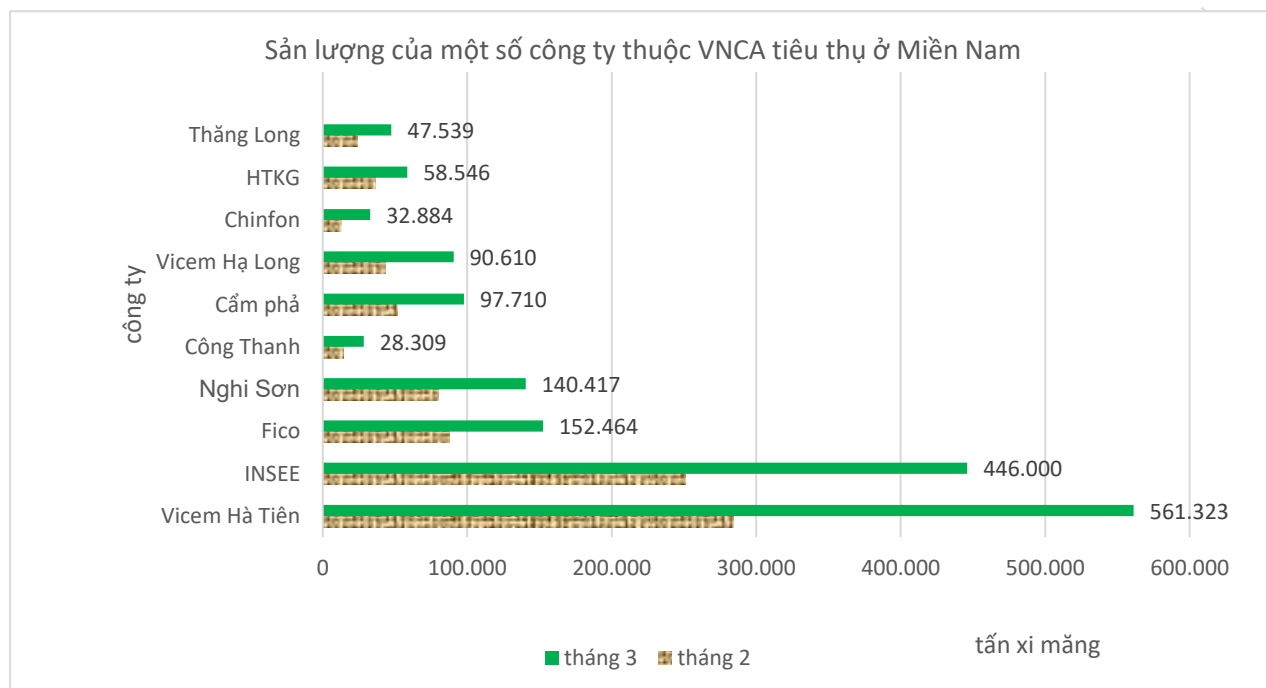
- XM Thăng Long 1.800

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.890

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

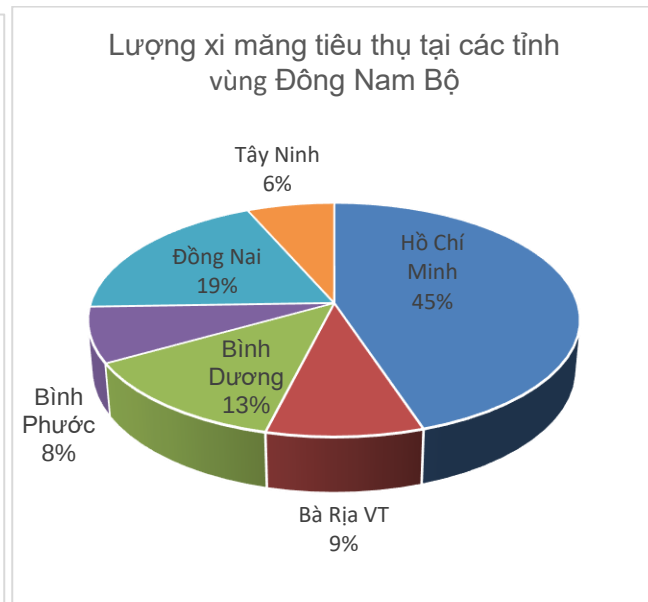
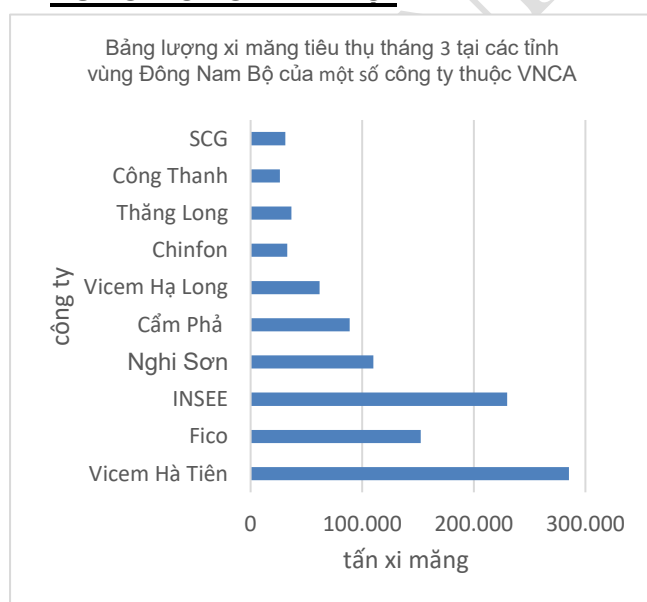
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 2.401.218 tấn (tháng 2 là 1.316.841 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

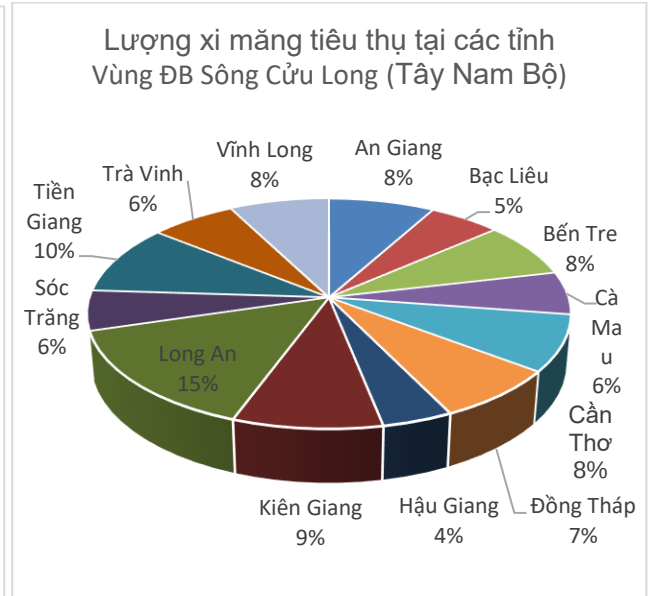
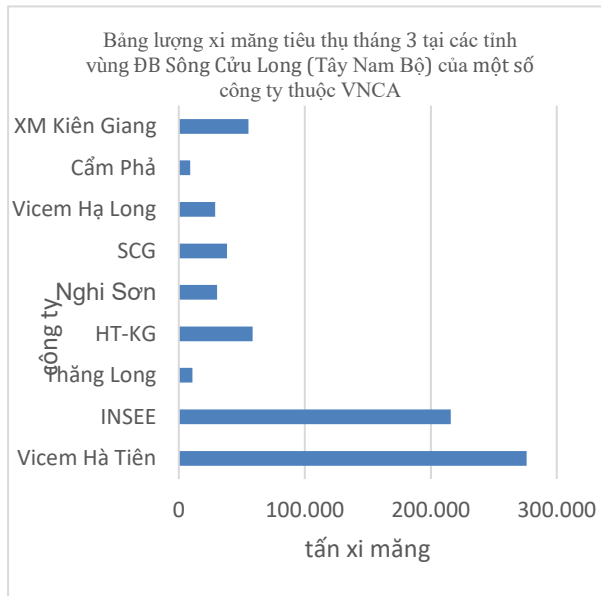


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 3/2022 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG ĐB SÔNG CỬU LONG (TÂY NAM BỘ):



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 (giá đến người tiêu dùng) : 1.900 ; XM Starcem: 1.760
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.690
- XM FICO: 1.790
- XM ChinFon :1.760 - XM INSEE đa dụng PCB 40: 1.830 (giá tại nhà máy)
- XM Cầm phả PCB 40: 1.780
- XM Công Thanh: 1.680 (giá đến người tiêu dùng)

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.740
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.620
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.494; PCB 50 xá: 1.553 XM Hà tiên Vicem PCB 40 đa dụng giá đến người tiêu dùng): 1.650
- INSEE: 1.800 - Starcem: 1.790

*** Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 1.680
 XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) PCB 30 tại kho: 1.340 PCB 40: 1.440
 XM Kiên giang (hiệu sư tử tháp) PCB 40: 1.670

Nhân xét chung thị trường nội địa:

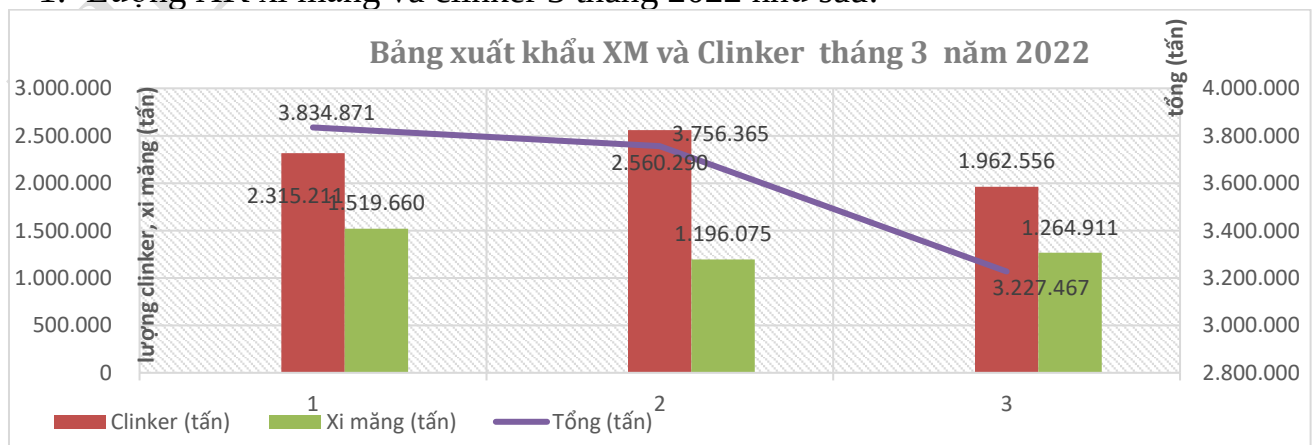
Về tiêu thụ xi măng: tăng mạnh do nhiều công trình mới đầu năm bắt đầu khởi công.

Về giá bán xi măng: Do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, hầu hết các doanh nghiệp xi măng đã điều chỉnh giá tăng từ 50.000-120.000 đồng (tùy địa bàn) trong tháng 3.

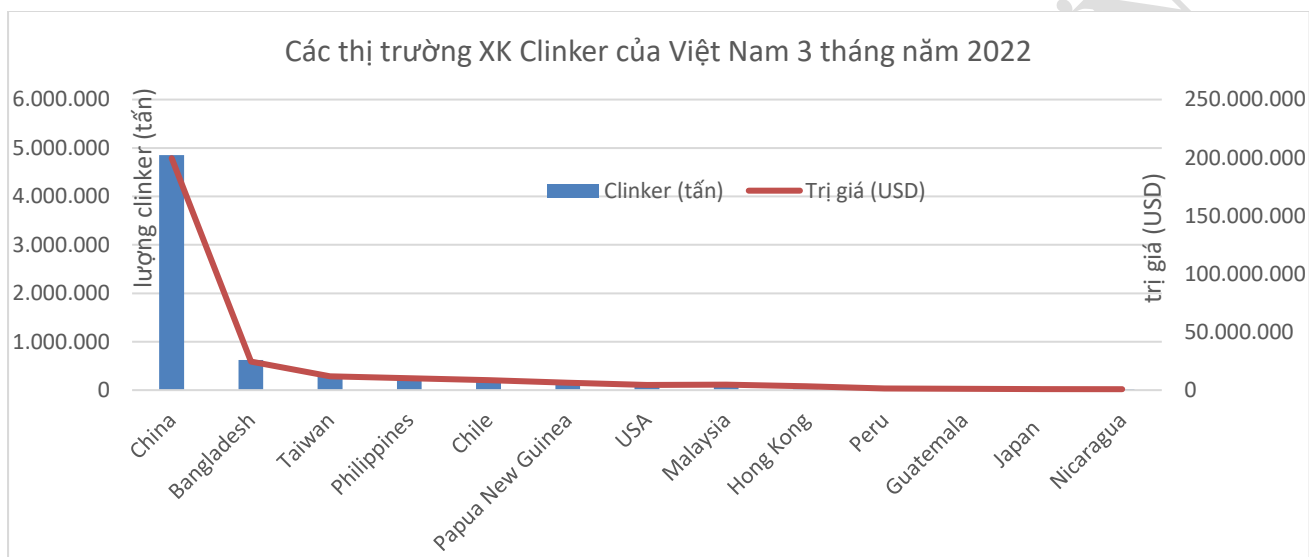
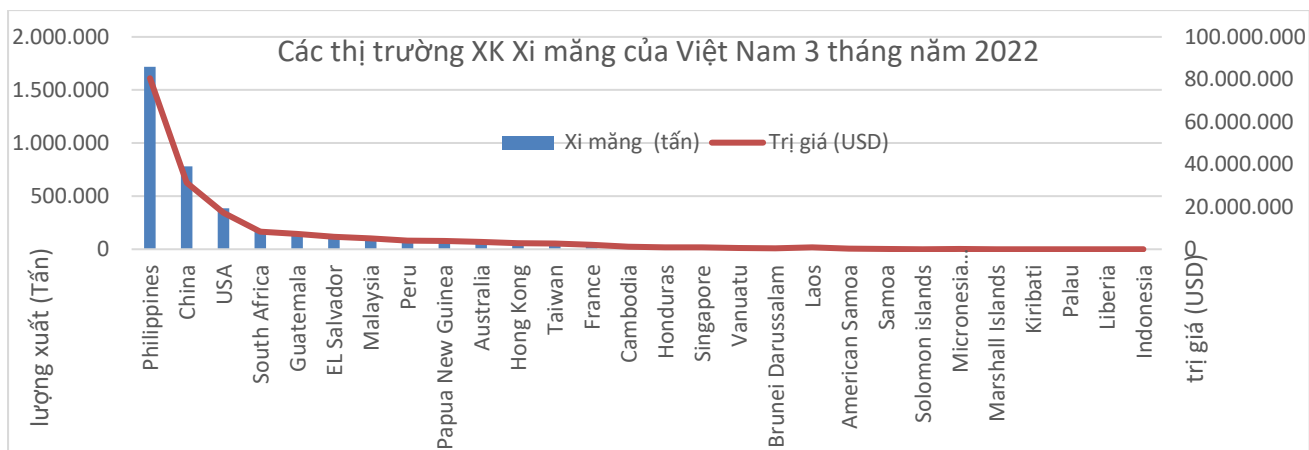
Tồn kho cuối tháng 3: Xi măng: 2,1 triệu tấn; clinker: 2,7 triệu tấn.

B- XUẤT KHẨU (XK):

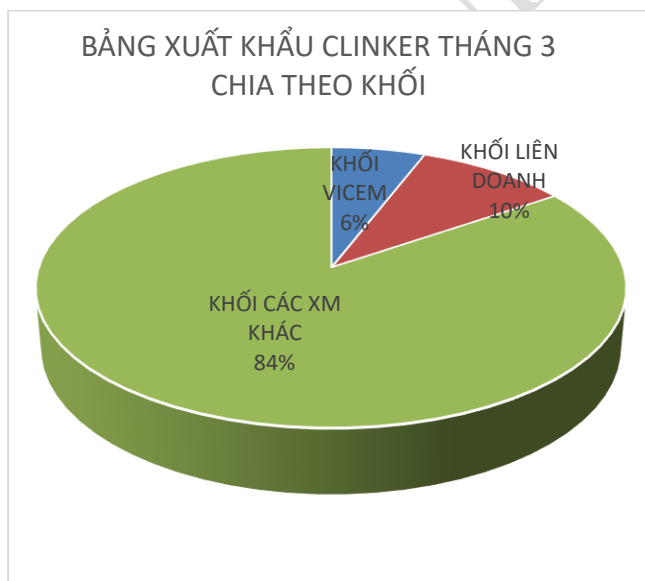
1. Lượng XK xi măng và clinker 3 tháng 2022 như sau:



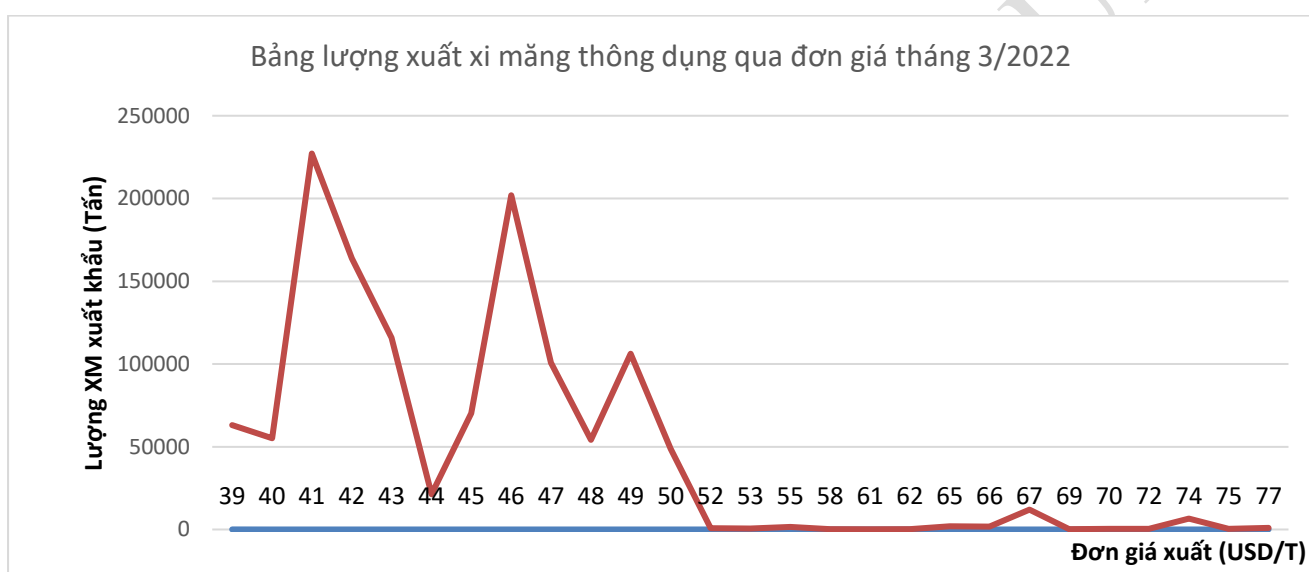
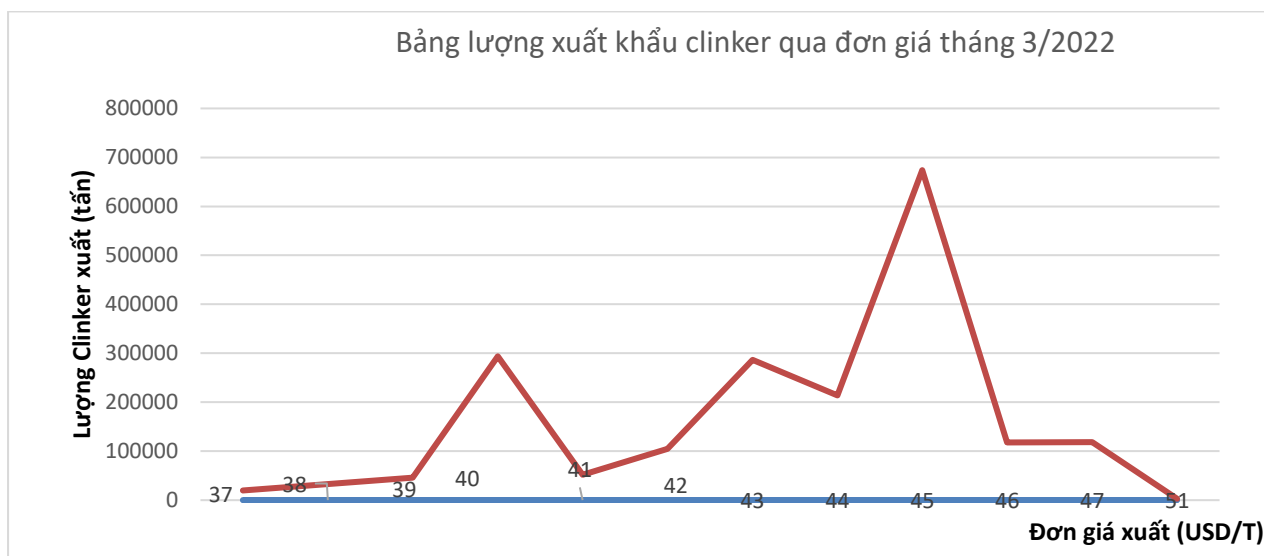
2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 3 tháng năm 2022:



3. Sản lượng xuất khẩu xi măng và clinker tháng 3 chia theo các khối:



4. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 3/2022 như sau:



C- SX THÁNG 3/2022, KẾ HOẠCH THÁNG 4/2022 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2022:

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 3/2022	Lũy kế SX xi măng 2022	Kế hoạch TTND T4/2022	Lũy kế TTND năm 2022
A	Khối VICEM	2.621.952	5.856.827	2.185.300	5.078.315
1	Vicem Hải Phòng	179.916	397.822	235.200	569.743
2	Vicem Hoàng Thạch	426.756	886.372	422.900	931.307
3	Vicem Bút Sơn	307.229	727.750	320.000	684.725
4	Vicem Tam Điệp	141.986	325.992	0	0
5	Vicem Bỉm Sơn	357.744	825.231	345.000	730.574
6	Vicem Hoàng Mai	161.019	364.455	119.000	313.316
7	Vicem Hải Vân	66.273	128.124	14.000	37.432
8	Vicem Hà Tiên	650.929	1.457.400	600.000	1.504.875
9	Vicem Hạ Long	216.651	495.193	129.000	305.803
10	Vicem Sông Thao	113.449	248.487	200	540

B	Khối LD	1.705.254	3.799.631	1.710.720	3.453.662
1	XM Nghi Sơn	480.660	1.148.924	449.500	928.495
2	XM Chinfon	305.175	635.783	319.000	573.231
3	Siam City Cement	450.000	1.030.000	425.000	1.044.000
4	XM Luks(Vietnam)	95.000	185.000	110.000	171.000
5	XM Thăng Long	110.000	270.000	120.000	211.546
6	XM Hệ Dưỡng	54.419	79.924	24.220	62.262
7	SCG VN	180.000	380.000	240.000	413.064
8	XM Phúc Sơn	30.000	70.000	23.000	50.064
C	Khối các Cty xm khác	3.750.000	9.050.000	3.300.000	6.250.000
	Toàn XH: (A+B+C)	8.077.206	18.706.458	7.196.020	14.781.977

Đánh giá:

- TTND tháng 3/2022: 7.110.132 tấn bằng 125% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 201% so với tháng 2. Tổng TTND 3 tháng năm 2022 đạt 14.781.977 tấn bằng 110% so với cùng kỳ 2021.
- Xuất khẩu tháng 3/2022: 3.227.467 tấn (trong đó xi măng 1.264.911 tấn và clinker là 1.962.556 tấn) bằng 69% so với cùng kỳ 2021, bằng 86% so với tháng 2. Tổng lượng xuất khẩu 3 tháng đầu năm 2022 đạt: 10.818.703 tấn bằng 102% so với cùng kỳ năm 2021.
- TTND và xuất khẩu tháng 3/2022: 10.337.599 tấn tương đương so với cùng kỳ năm 2021, bằng 142% so với tháng 2. Tổng TTND và XK 3 tháng đầu năm 2022 đạt 25.600.680 tấn tăng 6% so với cùng kỳ năm 2021.